

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/KDTM-ST  
Ngày 01-8-2024  
V/v “Tranh chấp Hợp đồng  
thi công xây dựng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Tùng Linh và ông Lưu Dũng Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Lê Thục Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH G; Địa chỉ: Lô F, Khu dân cư T, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Cao Thị Ngọc L – Chức vụ: Giám đốc. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần C; Địa chỉ: Tầng B-Toà CT13, Sakura, KĐT H, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH G, do bà Cao Thị Ngọc L là Giám đốc Công ty trình bày:* Ngày 16/12/2021, Công ty TNHH G và Công ty cổ phần C có ký Hợp đồng thi công xây dựng số 11/2021/HĐKT/THELIGHT/BHC-NL và ngày 28/4/2022 ký Phụ lục Hợp đồng số 01PL/11/2021/HĐKT/THELIGHT/BHC-NL với nội dung thi công hạng mục cung cấp, thi công, lắp đặt đá,... Địa điểm thực hiện hợp đồng tại Toà nhà hỗn hợp THE

LIGHT PHÚ YÊN, địa chỉ: B T, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đến ngày 09/8/2022, Công ty TNHH G đã thực hiện xong hợp đồng và đề nghị quyết toán, thanh lý hợp đồng nhưng Công ty cổ phần C không chịu ký quyết toán hợp đồng mặc dù Công ty TNHH G đã hoàn thành toàn bộ giấy tờ hồ sơ trong công việc. Đến ngày 03/11/2023, Công ty cổ phần C mới ký hồ sơ quyết toán. Theo đó, Công ty cổ phần C còn nợ Công ty TNHH G số tiền 134.003.682 đồng, được hai bên đối chiếu xác nhận công nợ tại Bảng giá trị đề nghị quyết toán ngày 03/11/2023 và tiền bảo hành 90.908.601 đồng được thoả thuận tại khoản 5.3 Điều 5 của Hợp đồng thi công xây dựng số 11/2021/HĐKT/THELIGHT/BHC-NL ngày 16/12/2021, hiện Công ty cổ phần C còn nợ Công ty TNHH G tổng số tiền là 224.912.283 đồng. Mặc dù, Công ty TNHH G nhiều lần liên hệ Công ty cổ phần C đề nghị thanh toán số tiền trên nhưng Công ty cổ phần C vẫn chưa thanh toán. Do đó, Công ty TNHH G khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần C phải thanh toán một lần số tiền 134.003.682 đồng còn lại phải thanh toán và tiền bảo hành 90.908.601 đồng, tổng cộng là 224.912.283 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật 10%/năm, kể từ ngày hai bên ký hồ sơ quyết toán là ngày 03/11/2023 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn Công ty cổ phần C, do ông Nguyễn Văn M là người đại diện theo pháp luật của Công ty trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2024:* Ngày 16/12/2021, Công ty cổ phần C do ông M đại diện và Công ty TNHH G có ký Hợp đồng thi công xây dựng số 11/2021/HĐKT/THELIGHT/BHC-NL, toàn bộ nội dung Hợp đồng trên là chính xác. Công ty cổ phần C đề nghị Công ty TNHH G không tính khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định 10%/năm. Do tình hình tài chính Công ty cổ phần C gặp rất nhiều khó khăn, không hề trốn tránh trách nhiệm về việc thanh toán nợ cho Công ty TNHH G nên đề nghị như sau: Trước 31/12/2024 sẽ trả hết 30% công nợ, trước 30/6/2025 sẽ thanh toán tiếp 30% công nợ và đến trước 31/12/2025 sẽ trả hết công nợ. Do bận công việc và đường xá xa xôi, không thể trực tiếp tham gia các buổi làm việc tại Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà nên xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Toà án, bao gồm: Các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH G, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày.

Bị đơn Công ty cổ phần C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 138, 139, 144 của Luật Xây dựng; các Điều 351, 357, 401, 468 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G, buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán số tiền là 224.912.283 đồng và tiền lãi do

chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật 10%/năm, kể từ ngày hai bên ký hồ sơ quyết toán đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G về Hợp đồng thi công xây dựng giữa pháp nhân và pháp nhân có mục đích lợi nhuận là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn có quyền lựa chọn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên có thẩm quyền giải quyết.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để xét xử nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng thi công xây dựng: Ngày 16/12/2021, Công ty TNHH G và Công ty cổ phần C có ký Hợp đồng thi công xây dựng số 11/2021/HĐKT/THELIGHT/BHC-NL và ngày 28/4/2022 có ký Phụ lục Hợp đồng số 01PL/11/2021/HĐKT/THELIGHT/BHC-NL. Việc giao kết hợp đồng là tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành.

[2.2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 16/12/2021, Công ty TNHH G và Công ty cổ phần C có ký Hợp đồng thi công xây dựng số 11/2021/HĐKT/THELIGHT/BHC-NL và ngày 28/4/2022 có ký Phụ lục Hợp đồng số 01PL/11/2021/HĐKT/THELIGHT/BHC-NL với nội dung thi công hạng mục cung cấp, thi công, lắp đặt đá,... Địa điểm thực hiện hợp đồng tại Toà nhà hỗn hợp THE LIGHT PHÚ YÊN, địa chỉ: B T, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH G đã hoàn thành xong các hạng mục thi công công trình. Ngày 03/11/2023, hai bên đã đối chiếu xác nhận công nợ tại Bảng giá trị đề nghị quyết toán, theo đó Công ty cổ phần C còn nợ Công ty TNHH G số tiền 134.003.682 đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH G còn cung cấp chứng cứ Công ty TNHH G đã nộp số tiền 90.908.601 đồng, tương đương 5% giá trị bảo hành công trình theo thoả thuận tại Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh P và Ngân hàng cấp Giấy bảo lãnh bảo hành số 0560BG2400211 gửi cho Công ty cổ phần C về việc Ngân hàng cam kết không huỷ ngang thanh toán cho Công ty cổ phần C số tiền 90.908.601 đồng

đến ngày 03/11/2024 (thời điểm hết bảo hành) nên căn cứ thoả thuận tại khoản 5.3 Điều 5 tại Hợp đồng thi công xây dựng số 11/2021/HĐKT/THELIGHT/BHC-NL ngày 16/12/2021 thì Công ty cổ phần C còn phải thanh toán 5% giá trị bảo hành công trình cho Công ty TNHH G số tiền 90.908.601 đồng. Xét thấy, từ ngày 03/11/2023, hai bên đã đối chiếu xác nhận công nợ cho đến nay, Công ty cổ phần C vẫn không thanh toán công nợ cho Công ty TNHH G là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần C cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác về việc đã thanh toán công nợ cho Công ty TNHH G. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G là có căn cứ nên chấp nhận, buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho Công ty TNHH G số tiền 134.003.682 đồng công nợ và tiền bảo hành 90.908.601 đồng, tổng cộng là 224.912.283 đồng.

[2.3] Về tiền lãi: Công ty TNHH G yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm, kể từ ngày 03/11/2023 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm ngày 01/8/2024, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 03/11/2023, hai bên đối chiếu xác nhận công nợ cho đến nay, Công ty cổ phần C không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán công nợ cho Công ty TNHH G. Do đó, Công ty TNHH G yêu cầu Công ty cổ phần C phải trả tiền lãi theo quy định pháp luật 10%/năm, kể từ ngày hai bên ký đối chiếu xác nhận công nợ ngày 03/11/2023 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm ngày 01/8/2024 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH G theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Thời gian tính lãi được tính từ ngày 03/11/2023 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm ngày 01/8/2024 là 08 tháng 28 ngày x 224.912.283 đồng x 10%/năm = 16.743.470 đồng.

[2.4] Vì vậy, bị đơn Công ty cổ phần C phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH G tổng số tiền 241.655.753 đồng (Trong đó: Tiền nợ là 224.912.283 đồng, tiền lãi là 16.743.470 đồng).

[3] Về án phí: Công ty cổ phần C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH G tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 138, 139, 144 của Luật Xây dựng; các Điều 351, 357, 401, 468 của Bộ luật Dân sự.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2023.

Buộc bị đơn Công ty cổ phần C phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH G tổng số tiền 241.655.753 đồng (Trong đó: Tiền nợ là 224.912.283 đồng, tiền lãi là 16.743.470 đồng) về khoản Hợp đồng thi công xây dựng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

**2. Về án phí:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn Công ty cổ phần C phải chịu số tiền 12.082.787 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH G số tiền 3.350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012793 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thanh Vân**

